

Số: 1194/QĐ-UBND

Thư Trì, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc, lao động hợp đồng
trong các đơn vị sự nghiệp công lập của xã Thư Trì năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯ TRÌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hưng Yên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 90-TB/ĐU ngày 08/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc điều chỉnh tạm giao biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026 của xã Thư Trì;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/7/2026 của Hội đồng nhân dân xã về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập của xã Thư Trì năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc (sau đây gọi là *biên chế sự nghiệp*) và số lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập của xã Thư Trì năm 2026, như sau:

a) Tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã Thư Trì năm 2026 là 295 biên chế, trong đó:

- Các đơn vị giáo dục công lập trên địa bàn xã: 261 biên chế
 - + 03 trường Mầm non: 100 biên chế;
 - + 02 trường Tiểu học: 74 biên chế;
 - + 02 trường Trung học cơ sở: 55 biên chế;
 - + 01 trường Tiểu học & THCS: 32 biên chế.

- Trạm Y tế xã: 29 biên chế.
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: 05 biên chế.

b) Số lao động hợp đồng hưởng lương từ NSNN làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình xã tại Trạm Y tế xã thuộc UBND xã Thư Trì: 02 người.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã có trách nhiệm:

- Quản lý, sử dụng số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng được tạm giao tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
- Có giải pháp nâng cao mức tự chủ tài chính của đơn vị theo lộ trình, định hướng của Trung ương, của tỉnh và của xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội xã, Trưởng phòng Kinh tế xã; Giám đốc Trạm Y tế xã, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn xã, Lãnh đạo Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường trực ĐU - HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Lực

PHỤ LỤC 1
TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA XÃ THƯ TRÌ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thư Trì)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc tạm giao năm 2026 (theo QĐ2245/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh)				Số lượng người làm việc hiện có mặt tại thời điểm 01/06/2026				Số lượng người làm việc đề nghị điều chỉnh tạm giao năm 2026 (Theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh)				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ NTSN	Người làm công tác Dân số-KHHGĐ xã, phường	Tổng số	Biên chế hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ NTSN	Người làm công tác Dân số-KHHGĐ xã, phường	Tổng số	Biên chế hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ NTSN	Người làm công tác Dân số-KHHGĐ xã, phường	
1	Các trường Mầm non	100	100	0	0	77	77	0	0	100	100	0	0	Giữ nguyên so với số tạm giao năm 2026
2	Các trường Tiểu học	74	74	0	0	65	65	0	0	74	74	0	0	Giữ nguyên so với số tạm giao năm 2026
3	Các trường THCS	55	55	0	0	49	49	0	0	55	55	0	0	Giữ nguyên so với số tạm giao năm 2026
4	Các trường TH và THCS	32	32	0	0	30	30	0	0	32	32	0	0	Giữ nguyên so với số tạm giao năm 2026
5	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp	0	0	0	0	3	3	0	0	5	5	0	0	Tạm giao 05 biên chế; (đầu năm 2026 không thực hiện tạm giao cho TT DV TH)
6	Trạm Y tế xã	19	19	0	2	25	25	0	2	29	29	0	2	Điều chỉnh tạm giao tăng thêm 10 biên chế so với số tạm giao năm 2026
Cộng		280	280	0	2	249	249	0	2	295	295	0	2	

PHỤ LỤC 1.1
TẠM GIAO_ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026 (KHỐI MẦM NON)
(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thư Trì)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2026 (Theo quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)				Số lượng người làm việc có mặt đến 01/06/2026				Số lượng người làm việc đề nghị điều chỉnh tạm giao năm 2026 (Theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh)			
		Tổng số	Quản lý	Giáo viên	Nhân viên hành chính	Chia theo VTVL				Tổng số	Quản lý	Giáo viên	Nhân viên hành chính
						Tổng	Quản lý	Giáo viên	Nhân viên hành chính				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	3	4	5	6
1	Trường Mầm non Minh Lãng	41	3	37	1	33	3	29	1	41	3	37	1
2	Trường Mầm non Song Lãng	34	3	30	1	27	3	23	1	34	3	30	1
3	Trường Mầm non Hiệp Hòa	25	3	21	1	17	3	13	1	25	3	21	1
Tổng cộng		100	9	88	3	77	9	65	3	100	9	88	3

PHỤ LỤC 1.2

TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026 (KHỞI TIỂU HỌC)

(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thư Trì)

TT	Tên trường	Số lượng người làm việc giao năm 2026 <i>(Theo quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)</i>										Số lượng người làm việc có mặt đến 01/6/2026										Số lượng người làm việc đề xuất điều chỉnh tạm giao năm 2026 <i>(Theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh)</i>												
		Tổng số	Trong đó										Chia theo VTVL										Tổng số	Trong đó										
			CB QL	Nhân viên hành chính	Giáo viên								Tổng số	CB QL	Nh ân vi ê n hành chính	Giáo viên								CB QL	Nh ân vi ê n hành chính	Giáo viên								
					Tổng số	Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ	Tổng số				Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ	Tổng số				Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
I	các Trường tiểu học																																	
1	Trường TH Minh Lăng	43	2	2	39	29	2	2	2	3	1	36	2	2	32	24	2	2	2	2	0	43	2	2	39	29	2	2	2	3	1			
2	Trường TH Song Lăng	31	2	2	27	19	1	2	2	2	1	29	2	2	25	18	1	2	2	2	0	31	2	2	27	19	1	2	2	2	1			
	Tổng cộng	74	4	4	66	48	3	4	4	5	2	65	4	4	57	42	3	4	4	4	0	74	4	4	66	48	3	4	4	5	2			

PHỤ LỤC 1.3

TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SẢN NGHIỆP CÔNG LẬP

THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026 (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thưng Trì)

[illegible]

PHỤ LỤC 1.4

TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026 (KHỎI TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ)

(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thư Trì)

I. Cấp tiểu học trong các trường TH và THCS

TT	Tên trường	Số lượng người làm việc tạm giao năm 2026 <i>(Theo quyết định số 1305/QĐ- UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)</i>										Số lượng người làm việc có mặt đến 01/06/2026										Số lượng người làm việc đề nghị điều chỉnh tạm giao năm 2026 <i>(Theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh)</i>									
		Tổng số	CB QL	Nhân viên hành chính	Trong đó							Tổng số	CB QL	Nhân viên hành chính	Chia theo VTVL							Tổng số	CB QL	Nhân viên hành chính	Trong đó						
					Tổng số	Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ				Tổng số	Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ				Tổng số	Văn hoá	Thể dục	Âm Nhạc	Mỹ thuật	Ngoại ngữ	Tin và công nghệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trường TH&THCS Hiệp Hòa	16	1	1	14	9	1	1	1	1	1	14	1	1	12	9	2	1	0	0	0	16	1	1	14	9	1	1	1	1	1

II. Cấp THCS trong các trường TH và THCS

ST T		Số lượng người làm việc tạm giao năm 2026 <i>(Theo q'w.ế định số 1305/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBNDXã)</i>																			Số lượng người làm việc có mặt đến 01/06/2026																			Số lượng người làm việc đề nghị điều chỉnh tạm giao năm 2026 <i>(Theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh)</i>																			
		Trong đó																			Chia theo VTVL																			Trong đó																			
		Đơn vị	Tổng số biên chế	CB QL	Nhân viên hành chính	Giáo viên																Tổng số	CB QL	Nhân viên hành chính	Giáo viên																Tổng số biên chế	CB QL	Nhân viên hành chính	Giáo viên															
						Tổng số	Toán	KHTN			Tin học	Công nghệ	Văn	Lịch sử và Địa lý		GD CD	Ngoại ngữ	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất						Tổng số	Toán	KHTN			Tin học	Công nghệ	Văn	Lịch sử và Địa lý		GDC D	Ngoại ngữ	Nghệ thuật	Giáo dục thể chất																					
								Lý	Hóa	Sinh				Lịch sử	Địa lý				Âm nhạc	Mỹ thuật	Lý						Hóa	Sinh	Lịch sử				Địa lý	Lý					Hóa	Sinh				Lịch sử	Địa lý														
1	0	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50										
1	Trường TH&THCS Hiệp Hòa	16	2	1	13	2	1	1	1	1	1	2	1	1	0	1	1	0	0	16	2	1	13	2	1	1	1	1	1	1	2	1	1	0	1	1	0	0	16	2	1	13	2	1	1	1	1	1	2	1	1	0	1	1	0	0			

PHỤ LỤC 1.5
TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG NĂM 2026 ĐỐI VỚI TRẠM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THƯ TRÌ
(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thư Trì)

TT	Đơn vị	Tổng	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC																				Số lao động hợp đồng hưởng lương NSNN làm công tác dân số - KHHGD	
			Bác sĩ chính hạng II	Bác sĩ hạng III	Bác sĩ YHDP hạng III	Dược sĩ chính hạng II	Dược sĩ hạng III	Dược sĩ hạng IV	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng IV	Hộ sinh hạng III	Hộ sinh hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng IV	Dinh dưỡng hạng III	Dinh dưỡng hạng IV	Y tế công cộng hạng II	Y tế công cộng hạng III	Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng IV	Y sĩ hạng IV	Kỹ sư hạng III		Khác (Hành chính , kế toán)
1	Trạm Y tế xã Thư Trì	31	-	8	1	-	1	3	-	1	1	3	1	-	-	-	-	-	1	1	5	1	2	2
	TỔNG	31	-	8	1	-	1	3	-	1	1	3	1	-	-	-	-	-	1	1	5	1	2	2